

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2022

Đơn vị: triệu đồng, hộ

TT	CHI NHÁNH/ HUYỆN/XÃ	Doanh số cho vay		Doanh số thu nợ		Doanh số xóa nợ		TỔNG DƯ NỢ	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ			Tổng dư nợ phân theo thời hạn			Số khách hàng dư nợ	Số lượt khách hàng vay vốn
		Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm	Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm	Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm		Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh	Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Di Lãng	1.410,00	9.515,00	475,95	8.461,40	0,00	0,00	33.125,30	33.125,30	0,00	0,00	0,00	30.074,55	3.050,75	836	182
2	Sơn Hà	780,00	16.310,00	551,50	11.205,80	0,00	25,00	57.388,10	57.388,10	0,00	0,00	0,00	57.082,10	306,00	1.342	411
3	Sơn Thành	870,00	10.113,00	389,40	7.358,07	0,00	0,00	44.708,12	44.708,12	0,00	0,00	0,00	43.139,72	1.568,40	1.047	252
4	Sơn Thủy	585,00	8.125,00	127,00	3.685,50	0,00	0,00	28.541,00	28.541,00	0,00	0,00	0,00	28.027,00	514,00	659	183
5	Sơn Kỳ	620,00	7.590,00	348,50	3.967,50	8,00	8,00	26.801,64	26.793,64	0,00	8,00	0,00	26.436,70	364,94	641	172
6	Sơn Ba	530,00	6.760,52	315,00	2.178,50	0,00	0,00	17.454,42	17.454,42	0,00	0,00	0,00	17.330,42	124,00	449	160
7	Sơn Bao	3.775,00	13.995,00	689,30	5.952,80	0,00	0,00	33.901,20	33.901,20	0,00	0,00	0,00	33.235,20	666,00	723	313
8	Sơn Thượng	1.160,00	10.032,00	398,00	3.870,23	0,00	10,00	28.700,99	28.700,99	0,00	0,00	0,00	28.066,75	634,23	678	225
9	Sơn Nham	520,00	9.985,00	120,50	4.501,40	0,00	0,00	32.407,70	32.407,70	0,00	0,00	0,00	31.599,40	808,30	726	243
10	Sơn Giang	840,00	8.435,52	271,44	4.718,88	0,00	0,00	27.009,21	27.009,21	0,00	0,00	0,00	26.191,21	818,00	637	198
11	Sơn Cao	880,00	10.140,00	252,50	4.915,78	0,00	0,00	31.619,05	31.619,05	0,00	0,00	0,00	29.999,45	1.619,60	752	239
12	Sơn Linh	1.540,00	13.629,00	412,52	5.547,62	0,00	0,00	34.921,18	34.921,18	0,00	0,00	0,00	33.220,14	1.701,04	789	308
13	Sơn Trung	570,00	8.897,00	279,44	3.861,40	0,00	0,00	21.805,88	21.797,88	0,00	8,00	0,00	21.233,38	572,50	534	229
14	Sơn Hải	590,00	5.735,00	253,80	3.309,34	0,00	0,00	20.630,78	20.630,78	0,00	0,00	0,00	20.203,50	427,28	506	145
TỔNG CỘNG		14.670,00	139.262,04	4.884,85	73.534,23	8,00	43,00	439.014,58	438.998,58	0,00	16,00	0,00	425.839,54	13.175,04	10.319	3.260

Lập bảng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

null, ngày 3 tháng 1 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)